TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trí Thiện.

Ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 19-9-1986.

Cư trú tổ 02, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Long H, sinh năm 1983.

Cư trú tổ 02, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18-8-2020 và bản tự khai, Chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Năm 2004, chị L và anh H được cha mẹ tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày đăng ký 13-4-2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi

Cách nay khoảng 07 năm, chị L cùng với anh H đi Cần Thơ ở trọ làm thuê. Lúc bấy giờ, mỗi khi anh H có rượu là gây bạo lực gia đình với chị L bằng các vật dụng trong nhà, mặc dù chị L không làm gì sai trái, vẫn chịu đựng sống chung với anh H tại Cần Thơ. Có lần anh H có tình cảm, công khai mối quan hệ với người phụ nữ khác làm cho người phụ nữ đó không tôn trọng chị L, từ đó chị L xin nghỉ việc ở Công ty trở về nhà cha mẹ chồng sinh sống, chăm lo con nhỏ.

Được sự cho phép của cha mẹ chồng, chị L đi Long An làm thuê. Qua ý kiến hàn gắn của cha mẹ chồng nên chị L chấp nhận cho anh H ra Long An ở chung. Dù vậy, khi vợ chồng ở chung với nhau, anh H không chịu sửa đổi tính tình, tiếp tục đánh đập chị L, đồng thời anh H không lo phụ tiếp việc ăn sống hàng ngày và vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn xuất phát từ tính tình của anh H gây ra. Do anh H thường xuyên đánh đập nên chị L không thể hàn gắn tình cảm với anh H. Chị L yêu cầu ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Chị L với anh H có được 02 đứa con, gồm: Nguyễn Trung K, sinh ngày 14-10-2007, Nguyễn Đức L1, sinh ngày 22-5-2017 đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn, chị L đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi con, khi nào có điều kiện thì chị L sẽ cấp dưỡng cho con mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, bị đơn đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị L yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận. Chị L tự nguyện đồng ý việc anh H được trực tiếp nuôi con Nguyễn Trung K, sinh ngày 14-10-2007, Nguyễn Đức L1, sinh ngày 22-5-2017 là đảm bảo điều kiện sinh hoạt, môi trường sống ổn định cho trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cho anh H được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao trích lục kết hôn số 1313/TLKH-BS ngày 25-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã P cấp cho chị L và anh H; Bản sao giấy khai sinh số 842/GKS-BS ngày 18-8-2020 của Ủy ban nhân dân xã P cấp cho Nguyễn Trung K; Bản sao giấy khai sinh số 841/GKS-BS ngày 18-8-2020 của Ủy

ban nhân dân xã P cấp cho Nguyễn Đức L1; Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 24-3-2021, 31-12-2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị L có đơn khởi kiện đối với anh H về yêu cầu ly hôn. Anh H có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị L và anh H xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 13-4-2004 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, chị L cho rằng "khi vợ chồng sống chung với nhau, anh H có đánh đập chị L, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn". Qua ý kiến của chị L, Tòa án thu thập ý kiến của ông Nguyễn Văn M là cha ruột của anh H theo Biên bản lấy lời khai ngày 31-12-2020 như sau "...Ông M nghe nói lại, giữa Ly với Hồ có mâu thuẫn từ khi ở trọ, ngoài ra Ly có thái độ quậy quọ trong nhà và cự nự vợ ông M và con gái ông M. Kể từ Tết nguyên đán năm 2020, chị L tự động thu dọn đồ đạc bỏ nhà đi trước sự chứng kiến của anh H và vợ chồng ông M. Thời điểm đó, ông M có mời cha mẹ của L đến hòa giải nhưng không chịu tới... còn việc L và H sống chung tại nhà của ông M thì H không gây bạo lực gia đình gì với L...". Theo đó, Tòa án xác định về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L, anh H đã thật sự có mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Hơn nữa, vợ, chồng vẫn tiếp tục sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, bỏ mặc nhau về đời sống gia đình.

Mặt khác, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không có văn bản ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải vụ việc hôn nhân và gia đình, chị L cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng với anh H nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tòa án có cơ sở xác định vợ, chồng chị L, anh H đã thật sự không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Tòa án

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Hiện 02 đứa con của chị L với anh H là Nguyễn Trung K, sinh ngày 14-10-2007 và Nguyễn Đức L1, sinh ngày 22-5-2017 đang sống cùng với anh H tại nhà cha mẹ ruột của anh H, được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, trẻ có điều kiện sinh hoạt, môi trường sống, học tập ổn định theo biên bản lấy lời khai của ông M ngày 31-12-2020, ngày 24-3-2021. Khi ly hôn, chị L tự nguyện đồng ý việc anh H trực tiếp nuôi con phù hợp ý chí của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị L về việc anh H trực tiếp nuôi con Nguyễn Trung K, sinh ngày 14-10-2007, Nguyễn Đức L1, sinh ngày 22-5-2017. Ngoài ra, anh H không có ý kiến, yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Chị L thống nhất không có tài sản chung và nợ chung với anh H. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Trúc L đối với bị đơn Anh Nguyễn Long H.

Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với Anh Nguyễn Long H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày đăng ký 13-4-2004 do Ủy ban nhân dân xã P cấp cho chị L và anh H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Long H trực tiếp nuôi con Nguyễn Trung K, sinh ngày 14-10-2007, Nguyễn Đức L1, sinh ngày 22-5-2017. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0001577 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị L, anh H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân